TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN LIÊN CHIỂU **THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số 17/2024/HNGĐ-ST Ngày 28.02.2024 V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con	

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN LIÊN CHIỂU, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Cơ

2. Ông Nguyễn Công Chi

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Lương Thị Thanh Dung - Thư ký Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hồng Thắm - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 02 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 413/2023/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 11 năm 2023 về "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 413/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Tạ Xuân C - sinh năm 1962; nơi ĐKNKTT: Tổ B, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng; nơi cư trú: Khu V, phường T, quận S, thành phố Đà Nẵng, (*Có mặt*).

2. Bị đơn: Bà Hồ Thị L - sinh năm 1964; nơi cư trú: Tổ B, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng; (*Có mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo Đơn khởi kiện về việc ly hôn gửi đến Tòa án ngày 25 tháng 10 năm 2023, tại Bản tự khai ngày 04 tháng 12 năm 2023, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, nguyên đơn - ông Tạ Xuân C trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Hồ Thị L tự nguyện đăng ký kết hôn vào năm 1982 tại Ủy ban nhân dân phường A, quận I (Nay là quận S), thành phố Đà Nẵng. Sau khi kết hôn, ông bà chung sống tại nhà của cha mẹ ông tại H N, phường A. Khoảng năm 1985 - 1986, vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn do bà L buôn bán gây nợ nần. Đến đầu năm 1994, bà Liên tiếp t làm ăn bị thua lỗ nên phải bán nhà và bán chiếc ô tô tải. Bà L bỏ rơi ông, đưa con gái về gửi nhà ngoại ở Quảng Ngãi, còn ông tự làm nuôi con trai. Năm 1997, ông đã làm đơn Đơn ly dị, bà L có ký vào đơn, nhưng sau đó ông suy nghĩ lại, không gửi đơn đến Toà án. Sau đó, vợ chồng tiếp tục chung sống và có được ngôi nhà ổn định tại tổ C, phường H. Từ năm 2016, giữa vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, do ông không đồng tình với cách làm ăn của bà L; bà L liên tục gây ra nợ nần do tự ý quyết định, không bàn bạc với ông; vợ chồng không còn hoà thuận, không có tiếng nói chung. Trong năm 2016, bà L bán ngôi nhà tại tổ C và chuyển về sống tại ngôi nhà ở tổ B, phường H. Bản thân ông đã cố gắng chịu đựng và kết nối nhưng không có cứu vãn được. Từ năm 2017, vợ chồng sống ly thân, ông ở phòng riêng, sử dụng lối đi chung. Từ cuối tháng 01 năm 2024, ông đã chuyển về sống tại nhà của cha ông tại khu vực S, quận S. Nay, ông xác định không còn tình cảm với bà L; mâu thuẫn giữa vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được giải quyết ly hôn với bà L.

- Về quan hệ nuôi con chung: Ông xác định ông và bà L có 03 (*Ba*) con chung là Tạ Thanh H - sinh năm 1984, Tạ Thanh P - sinh năm 1987 và Tạ Công Thành H1 - sinh năm 2002. Các con đã đủ 18 tuổi nên ông không yêu cầu giải quyết.

- Về quan hệ chia tài sản: Ông xác định ông và bà L có tài sản chung, nhưng tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết; xác định không nợ ai và không ai nợ ông và bà L.

* Tại Bản trình bày ngày 08 tháng 01 năm 2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn - bà Hồ Thị L trình bày thống nhất với nội dung trình bày của ông C về điều kiện kết hôn, địa điểm đăng ký kết hôn. Việc ông C trình bày bà nợ nần là do tự thân bà làm không có vốn, ông C không phụ giúp. Năm 1989, bà có đi làm ở Đồng Nai được 01 năm thì về. Bà có ký vào đơn ly dị do ông C viết, nhưng sau đó vợ chồng vẫn tiếp tục chung sống.

Bà xác định trong quá trình chung sống giữa vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông C có tình cảm bên ngoài. Ông C đã đăng ký thuê bao điện thoại cho người này sử dụng. Tuy nhiên, bà vẫn chấp nhận để giữ hạnh phúc gia đình. Ông C nhiều lần đe doạ, yêu cầu bà ký vào đơn ly hôn, nếu không sẽ đánh bà. Nay, ông C muốn ly hôn với bà để đến người phụ nữ khác thì bà không đồng ý. Các

con đã họp bàn; khi không ly hôn thì ông C có ốm đau, bệnh tật thì các con có trách nhiệm chăm sóc; còn khi ly hôn rồi thì các con sẽ không chăm sóc. Con rể bà cùng sống chung một nhà, nếu ly hôn, bà sẽ nhục nhã với con và cháu.

Bà xác định bà và ông C có 03 con chung như ông C trình bày; xác định tự thoả thuận về tài sản và không có nợ chung.

Tại phiên toà, bà L trình bày: Ông C muốn ly hôn thì bà ly hôn thôi, nhưng phải chờ đến sau khi con trai cưới vợ xong vào cuối tháng 3 thì bà mới đồng ý ký đơn.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu phát biểu: Thẩm phán đã thực hiện đúng nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc thụ lý, thời hạn giải quyết, thu thập chứng cứ, cũng như việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải, việc tống đạt, thông báo các văn bản tố tụng được thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Thư ký phiên toà đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều 51 Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các nguyên tắc xét xử, đảm bảo các bên đương sự được thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ. Nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các điều 70, 71 và 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét áp dụng Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận cho ông Tạ Xuân C được ly hôn với với bà Hồ Thị L. Các con đã đủ 18 tuổi, không yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nợ chung nên không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Ông Tạ Xuân C và bà Hồ Thị L đăng ký kết hôn vào năm 1982 tại Ủy ban nhân dân phường A, quận I (Nay là quận S), thành phố Đà Nẵng. Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện. Do vậy, hôn nhân giữa ông C và bà L

[1] Xét yêu cầu xin ly hôn của ông C đối với bà L, Hội đồng xét xử thấy:

Cả ông C và bà L đều xác định trong quá trình chung sống, giữa vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân theo ông C trình bày là do bà L tự quyết định về việc làm ăn, dẫn đến nợ nần nhiều người; giữa vợ chồng không có tiếng nói chung. Còn theo bà L là do ông C có quan hệ tình cảm bên ngoài.

Xét thấy, bà L không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh ông C có tình cảm bên ngoài; việc bà L có nhiều nợ nần riêng là đúng, phù hợp với xác minh tại địa phương. Việc bà L không đồng ý ly hôn, xuất phát từ lý do xấu hổ với con cháu, chờ cho con đám cưới xong; chứ không phải do giữa vợ chồng vẫn còn tình cảm, mẫu thuẫn giữa vợ chồng vẫn còn khả năng hàn gắn. Thực tế, từ nhiều năm, vợ chồng đã không cùng chung sống, sinh hoạt chung.

Do hôn nhân giữa ông C và bà L đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn xin ly hôn của ông C đối với bà L, xử cho ông C được ly hôn với bà L.

[2] Về quan hệ nuôi con chung: Ông C và bà L đều xác định có 03 (*Ba*) con chung là Tạ Thanh H - sinh năm 1984, Tạ Thanh P - sinh năm 1987 và Tạ Công Thành H1 - sinh năm 2002. Các con đã đủ 18 tuổi nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[3] Về quan hệ chia tài sản: Ông C và bà L đều xác định tự thoả thuận về tài sản chung, không nợ của ai và không có ai nợ của ông bà nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[5] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) ông Tạ Xuân C phải phải chÞu theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xét cho ông Tạ Xuân C được miễn tiền án phí h«n nh©n vµ gia ®×nh s¬ thÈm 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) do là người cao tuổi và có đơn xin miễn tiền án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYÕT §ÞNH

Căn cứ các điều 51 và 56 Luật Hôn nhân và gia đình; các điều 12, 14 và 15; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; khoản 2 Điều 92, khoản 4 Điều 147, các điều 235 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của ông Tạ Xuân C đối với bà Hồ Thị L về việc "Ly hôn".

* Về quan hệ hôn nhân:

Xử: Cho ông C được ly hôn với với bà L.

* Về quan hệ nuôi con chung: Không giải quyết.

* Về quan hệ chia tài sản: Ông C và bà L không yêu cầu giải quyết về tài sản chung, không nợ của ai và không có ai nợ của ông bà.

2. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)* ông Tạ Xuân C phải chịu, nhưng được xét miễn do là người cao tuổi.

Hoàn trả cho ông Tạ Xuân C số tiền tạm ứng án phí 300.000đ *(Ba trăm ngàn ngàn đồng)* đã nộp tại biên lai thu số 0002455 ngày 03 tháng 11 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự quận Liên Chiểu.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các éiều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND Q.Liên Chiểu;
- UBND P.An Hải Đông, Q.Sơn Trà, TP.Đà Nẵng;
- Chi cục THADS Q.Liên Chiểu;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thanh Thủy